TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - SINGAPORE

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
LỚP C11191 - NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI - KHÓA XI - 9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	C1119102	Bùi Đỗ Hải	Dương	07/12/2004	**6,4**	7,0	3,0	5,0	**5,4**		**chưa đạt**
2	C1119103	Lý Thành	Đạt	01/02/2004	**7,2**	6,5	5,0	7,5	**6,9**	Trung bình khá	
3	C1119104	Trần Văn	Khải	09/10/2004	**6,5**	5,5	5,0	3,0	**5,1**		**chưa đạt**
4	C1119105	Nguyễn Gia	Khang	11/08/2004	**7,7**	0,0	0,0	0,0	**3,9**		**chưa đạt**
5	C1119107	Trần Ngọc	Minh	06/09/2004	**6,3**	5,0	5,0	5,0	**5,7**	Trung bình	
6	C1119108	Trần Hữu	Nam	13/10/2004	**6,7**	8,0	5,0	6,5	**6,4**	Trung bình khá	
7	C1119114	Hồ Quốc	Tuấn	10/01/2003	**6,5**	0,0	0,0	0,0	**3,3**		**chưa đạt**
8	C1119116	Mai Phú	Thịnh	23/10/2004	**7,4**	7,0	5,5	8,0	**7,3**	Khá	
9	C1119119	Trần Quang	Vinh	05/12/2003	**6,9**	5,0	3,5	5,5	**5,9**		**chưa đạt**

Danh sách gồm 9 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: *4*

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: *5*

Thuận An, ngày 23 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - SINGAPORE

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
LỚP T191BT1 - NGHỀ BẢO TRÌ THIẾT BỊ CƠ ĐIỆN - KHÓA XVI-9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	1910220003	Vương Hải	Du	26/12/2004	**6,4**	6,5	7,0	7,0	**6,7**	Trung bình khá	
2	1910220004	Trần Đức	Duy	14/07/2004	**7,0**	8,0	9,0	6,5	**7,2**	Khá	
3	1910220005	Bùi Quang	Duy	06/10/2004	**6,7**	8,0	8,0	7,5	**7,2**	Khá	
4	1910220008	Lê Vũ	Hoàn	17/11/2004	**6,3**	6,0	5,0	6,5	**6,2**	Trung bình khá	
5	1910220011	Võ Lê Thành	Kiệt	23/12/2004	**7,2**	8,5	6,0	7,0	**6,9**	Trung bình khá	
6	1910220012	Phạm Hoàng	Long	10/01/2004	**6,8**	5,0	6,5	7,0	**6,8**	Trung bình khá	
7	1910220014	Hồ Công	Nam	07/09/2004	**6,4**	7,0	6,5	7,5	**6,8**	Trung bình khá	
8	1910220015	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	18/09/2004	**6,2**	7,0	6,0	8,0	**6,8**	Trung bình khá	
9	1910220017	Hồ Hiếu	Nghĩa	14/12/2004	**6,3**	6,0	7,0	6,5	**6,5**	Trung bình khá	
10	1910220019	Nguyễn Minh	Phát	26/04/2004	**7,0**	6,5	9,0	7,5	**7,5**	Khá	
11	1910220020	Phạm Nguyễn Tấn	Phát	04/07/2004	**6,7**	6,0	6,0	8,0	**7,0**	Khá	
12	1910220021	Nguyễn Hoàng	Phúc	29/11/2003	**6,4**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**3,2**		**chưa đạt**
13	1910220022	Bùi Hoàng	Phúc	15/12/2003	**6,5**	5,0	8,5	8,0	**7,3**	Khá	
14	1910220023	Nguyễn Đức	Quyền	01/03/2004	**6,2**	5,0	6,5	8,0	**6,9**	Trung bình khá	
15	1910220031	Lê Hoàng	Thanh	05/06/2004	**6,8**	7,5	8,5	7,5	**7,3**	Khá	
16	1910220032	Lê Sỹ	Thành	17/02/2003	**6,3**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**3,2**		**chưa đạt**
17	1910220037	Phạm Cao	Tiền	18/03/2004	**6,2**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**3,1**		**chưa đạt**
18	1910220039	Lê Nhật	Trường	06/02/2004	**7,3**	7,0	6,0	8,5	**7,5**	Khá	
19	1910220041	Ngô Minh	Vương	05/11/2004	**6,7**	8,0	7,5	7,0	**6,9**	Trung bình khá	

Danh sách gồm 19 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: 16

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: 3

Thuận An, ngày 22 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - SINGAPORE

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
LỚP T191CK1 - NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI - KHÓA XVI-9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	1910205001	Phan Thế	Anh	04/07/2004	**6,3**	8,0	5,0	6,5	**6,2**	Trung bình khá	
2	1910205002	Phan Hồ Phương	Anh	28/05/2004	**5,9**	0,0	0,0	0,0	**3,0**		**chưa đạt**
3	1910205004	Trịnh Đình	Bình	29/05/2001	**7,7**	8,0	5,0	8,0	**7,4**	Khá	
4	1910205005	Ngô Thọ	Đạt	30/03/2004	**6,4**	7,0	5,0	5,5	**5,9**	Trung bình	
5	1910205007	Châu Nhật	Duy	13/05/2004	**6,2**	7,5	5,0	5,5	**5,8**	Trung bình	
6	1910205008	Way Triển	Giai	04/01/2004	**5,7**	7,0	5,0	8,5	**6,5**	Trung bình khá	
7	1910205009	Lương Nguyễn Minh	Hào	23/05/2004	**6,3**	7,0	5,0	7,0	**6,3**	Trung bình khá	
8	1910205010	Mai Xuân	Hiển	08/02/2004	**6,5**	6,5	5,0	6,0	**6,1**	Trung bình khá	
9	1910205014	Hoàng Việt	Hùng	10/10/2004	**5,8**	8,5	5,0	6,0	**5,7**	Trung bình	
10	1910205020	Phan Thành	Linh	05/08/2004	**6,3**	6,5	5,0	8,0	**6,7**	Trung bình khá	
11	1910205037	Phan Minh	Thiện	19/06/2004	**6,0**	7,5	5,0	6,0	**5,8**	Trung bình	
12	1910205041	Nguyễn Quang	Trung	24/10/2004	**5,7**	7,5	5,0	3,5	**4,9**		**chưa đạt**
13	1910205045	Văn Thái	Tuấn	25/10/2004	**5,8**	8,0	5,0	1,5	**4,2**		**chưa đạt**
14	1910205046	Mai Xuân	Vinh	31/10/2004	**5,7**	5,0	5,0	2,0	**4,4**		**chưa đạt**

Danh sách gồm 14 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: 10

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: 4

Thuận An, ngày 23 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - SINGAPORE

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
LỚP T191CK2 - NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI - KHÓA XVI-9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	1910205053	Trần Trung	Bảo	20/09/2004	**6,5**	6,0	6,0	5,0	**5,9**	Trung bình	
2	1910205054	Phạm Văn Minh	Chung	11/02/2003	**6,4**	6,5	7,0	5,5	**6,2**	Trung bình khá	
3	1910205060	Phạm Hải	Duy	20/10/2004	**6,1**	8,0	5,5	5,5	**5,8**	Trung bình	
4	1910205062	Phan Hoàng	Hải	21/12/2003	**5,8**	5,5	5,5	2,5	**4,7**		**chưa đạt**
5	1910205065	Nguyễn Huy	Hoàng	23/10/2004	**6,3**	8,0	5,5	6,0	**6,1**	Trung bình khá	
6	1910205067	Phạm Thế	Hùng	19/07/2004	**6,1**	5,5	5,0	5,0	**5,6**	Trung bình	
7	1910205069	Nguyễn Thế Tuấn	Hưng	22/01/2004	**6,1**	5,5	6,5	5,0	**5,8**	Trung bình	
8	1910205071	Vũ Quang	Huy	29/10/2004	**6,5**	5,5	6,0	6,5	**6,4**	Trung bình khá	
9	1910205074	Trần Trung	Ký	09/11/2004	**7,0**	7,0	7,0	7,0	**7,0**	Khá	
10	1910205078	Trương Ngọc	Nam	11/11/2004	**6,7**	7,0	7,0	6,0	**6,5**	Trung bình khá	
11	1910205083	Võ Minh	Quang	05/03/2004	**7,1**	8,0	7,0	6,0	**6,7**	Trung bình khá	
12	1910205084	Võ Kỳ	Tài	16/03/2004	**6,3**	6,5	6,0	5,0	**5,8**	Trung bình	
13	1910205086	Phan Thanh	Thắng	31/10/2004	**6,1**	7,0	7,0	6,0	**6,2**	Trung bình khá	
14	1910205089	Nguyễn Văn	Tiến	11/03/2004	**6,6**	6,0	7,0	5,0	**6,1**	Trung bình khá	
15	1910205090	Bùi Đại Tiến	Toàn	28/09/2004	**6,7**	7,0	7,5	6,5	**6,8**	Trung bình khá	
16	1910205091	Mai Đức	Toản	08/05/2004	**6,5**	6,0	7,0	5,5	**6,3**	Trung bình khá	
17	1910205096	Phạm Quý	Phú	24/04/2002	**6,8**	8,0	7,5	6,0	**6,7**	Trung bình khá	
18	1910205097	Nguyễn Quốc	Khánh	13/04/2004	**5,8**	6,0	5,5	6,0	**5,8**	Trung bình	

Danh sách gồm 18 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: 17

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: 1

Thuận An, ngày 23 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN

s

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
LỚP T191CK3 - NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI - KHÓA XVI-9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	1910205101	Nguyễn Thành	Đại	21/10/2003	**6,5**	6,0	5,0	5,0	**5,8**	Trung bình	
2	1910205102	Phạm Công	Danh	03/02/2004	**6,9**	6,5	8,0	7,0	**7,1**	Khá	
3	1910205103	Đặng Nguyễn Tấn	Đạt	22/07/2004	**6,6**	7,0	6,0	6,0	**6,3**	Trung bình khá	
4	1910205104	Lê Thành	Đạt	26/03/2003	**6,9**	6,0	8,0	5,0	**6,5**	Trung bình khá	
5	1910205105	Nguyễn Tiến	Dinh	16/06/2004	**6,8**	6,0	5,0	5,5	**6,1**	Trung bình khá	
6	1910205106	Chu Minh	Đức	15/11/2003	**7,0**	5,5	9,0	5,0	**6,7**	Trung bình khá	
7	1910205107	Nguyễn Đức	Dũng	23/06/2004	**6,1**	5,0	5,5	5,5	**5,8**	Trung bình	
8	1910205108	Trịnh Thanh	Hải	12/10/2004	**6,1**	5,5	5,5	5,5	**5,8**	Trung bình	
9	1910205109	Võ Đức	Hải	29/08/2004	**6,4**	5,5	6,5	3,0	**5,3**		**chưa đạt**
10	1910205114	Trịnh Đình	Hoàng	24/09/2004	**7,1**	8,0	8,0	8,5	**7,7**	Khá	
11	1910205115	Trần Công	Hùng	28/10/2004	**6,3**	7,0	3,0	5,0	**5,3**		**chưa đạt**
12	1910205124	Phan Thanh	Nam	11/02/2004	**7,4**	8,0	9,0	5,0	**6,9**	Trung bình khá	
13	1910205125	Trần Thành	Nam	09/01/2004	**7,6**	7,5	8,5	6,0	**7,2**	Khá	
14	1910205126	Bùi Trọng	Nghĩa	15/12/2004	**6,7**	7,0	7,5	6,5	**6,8**	Trung bình khá	
15	1910205132	Trần Nguyễn Xuân	Thành	18/07/2004	**7,1**	9,0	8,0	6,5	**7,1**	Khá	
16	1910205134	Nguyễn Trung	Thịnh	27/07/2001	**7,0**	7,5	5,0	7,0	**6,7**	Trung bình khá	
17	1910205136	Cao Minh	Thông	16/02/2004	**7,1**	6,5	5,5	6,5	**6,6**	Trung bình khá	
18	1910205138	Nguyễn Văn	Trí	07/08/2004	**6,5**	7,0	5,0	5,0	**5,8**	Trung bình	
19	1910205139	Nguyễn Minh	Trị	20/11/2004	**6,2**	6,5	6,0	3,5	**5,3**		**chưa đạt**
20	1910205143	Nguyễn Văn	Tuấn	23/06/2004	**6,8**	5,0	6,5	6,0	**6,5**	Trung bình khá	
21	1910205145	Nguyễn Thành	Vinh	30/09/2004	**6,5**	0,0	6,5	6,0	**6,3**		**chưa đạt**
22	1910205146	Ngô Huy	Dương	30/05/2004	**6,8**	6,5	6,0	6,0	**6,4**	Trung bình khá	

Danh sách gồm 22 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: 18

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: 4

Thuận An, ngày 23 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - SINGAPORE

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

LỚP T191OT1 - NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ - KHÓA XVI-9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	1910207003	Nguyễn Thái	Bảo	14/09/2004	**7,0**	8,0	8,0	5,5	**6,7**	Trung bình khá	
2	1910207009	Hà Quang	Đạt	22/11/2004	**6,6**	8,5	7,5	5,5	**6,4**	Trung bình khá	
3	1910207014	Trần Minh	Hiếu	10/09/2004	**6,6**	7,0	8,0	6,0	**6,6**	Trung bình khá	
4	1910207016	Nguyễn Gia	Huy	18/03/2004	**6,3**	5,5	6,0	5,0	**5,8**	Trung bình	
5	1910207018	Trần Ngọc	Lâm	28/03/2004	**7,1**	6,5	7,5	6,0	**6,8**	Trung bình khá	
6	1910207020	Nguyễn Văn	Lộc	02/05/2004	**7,1**	7,0	9,5	6,0	**7,1**	Khá	
7	1910207022	Hồ Thế	Lực	01/04/2004	**6,5**	5,5	6,0	5,5	**6,1**	Trung bình khá	
8	1910207024	Vương Quốc Nhật	Minh	08/03/2004	**6,4**	8,5	5,0	6,0	**6,0**	Trung bình khá	
9	1910207026	Trần Minh	Nghĩa	10/09/2004	**6,5**	7,5	6,0	6,5	**6,4**	Trung bình khá	
10	1910207027	Nguyễn Xuân Thành	Nhân	07/02/2004	**6,4**	8,5	5,0	5,5	**5,9**	Trung bình	
11	1910207029	Nguyễn Võ Thuận	Phát	14/12/2003	**6,8**	6,5	3,5	6,0	**6,0**		**chưa đạt**
12	1910207030	Nguyễn Vũ	Phi	25/10/2004	**6,2**	6,5	5,0	5,5	**5,8**	Trung bình	
13	1910207031	Nguyễn Hồng	Phúc	29/05/2004	**7,4**	6,0	6,0	6,0	**6,7**	Trung bình khá	
14	1910207032	Nguyễn Thanh	Phúc	11/02/2003	**6,3**	6,5	3,5	5,0	**5,4**		**chưa đạt**
15	1910207037	Huỳnh Hiếu	Thuận	23/11/2004	**6,9**	7,0	7,5	5,0	**6,4**	Trung bình khá	
16	1910207042	Nguyễn Hữu	Tuấn	27/01/2004	**6,6**	7,5	6,0	6,0	**6,3**	Trung bình khá	
17	1910207044	Lê Trường	Vũ	02/09/2004	**6,9**	7,0	7,0	6,0	**6,6**	Trung bình khá	

Danh sách gồm 17 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: *15*

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: *2*

Thuận An, ngày 23 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - SINGAPORE

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
LỚP T191OT2 - NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ - KHÓA XVI-9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	1910207048	Võ Minh	An	09/08/2004	**7,1**	5,5	8,5	6,0	**7,0**	Khá	
2	1910207054	Trần Tiến	Đạt	21/11/2004	**6,7**	0,0	5,0	6,0	**6,2**		**chưa đạt**
3	1910207055	Nguyễn Minh	Đức	09/04/2003	**7,9**	8,5	9,0	6,5	**7,6**	Khá	
4	1910207057	Huỳnh Thanh	Dũng	14/06/2004	**7,2**	6,0	6,0	5,5	**6,4**	Trung bình khá	
5	1910207058	Đỗ Đức	Dương	31/08/2004	**7,1**	8,0	7,0	5,5	**6,6**	Trung bình khá	
6	1910207059	Trương Nhật	Duy	28/06/2004	**6,9**	7,0	7,0	5,0	**6,3**	Trung bình khá	
7	1910207060	Cao Đình	Hiệp	08/01/2004	**6,8**	6,5	5,0	5,5	**6,1**	Trung bình khá	
8	1910207061	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	**6,9**	6,5	3,5	5,5	**5,9**		**chưa đạt**
9	1910207062	Nguyễn Văn	Hoàng	02/10/2004	**6,7**	5,0	8,5	6,5	**6,9**	Trung bình khá	
10	1910207063	Đoàn Phi	Hùng	06/01/2004	**6,7**	6,0	5,5	5,5	**6,1**	Trung bình khá	
11	1910207064	Lê Văn	Hùng	22/10/2004	**7,0**	5,0	9,0	5,5	**6,8**	Trung bình khá	
12	1910207070	Nguyễn Quốc	Khang	08/05/2004	**6,7**	8,0	8,5	5,5	**6,6**	Trung bình khá	
13	1910207071	Trần Dĩ	Khang	29/06/2004	**7,2**	7,5	9,5	6,0	**7,2**	Khá	
14	1910207072	Trần Vệ	Kiện	28/11/2003	**6,5**	6,5	9,0	5,5	**6,6**	Trung bình khá	
15	1910207073	Nguyễn Tuấn	Kiệt	13/03/2004	**7,3**	7,0	9,0	5,5	**7,0**	Khá	
16	1910207075	Hoàng Phước	Lâm	01/12/2000	**7,7**	8,0	9,0	6,5	**7,5**	Khá	
17	1910207079	Đinh Ngọc	Nam	01/01/2004	**6,7**	7,5	8,5	5,0	**6,4**	Trung bình khá	
18	1910207080	Nguyễn Thịnh	Phát	23/06/2004	**6,8**	8,0	8,0	6,5	**6,9**	Trung bình khá	
19	1910207081	Nguyễn Kỳ	Phúc	07/03/2004	**6,5**	6,0	1,0	5,5	**5,3**		**chưa đạt**
20	1910207082	Lê Văn	Phương	09/05/2001	**6,7**	5,0	7,0	5,0	**6,2**	Trung bình khá	
21	1910207084	Nguyễn Hồng Duy	Quang	04/08/2004	**7,3**	7,0	8,0	5,0	**6,7**	Trung bình khá	
22	1910207085	Đặng Huy	Quyền	19/01/2004	**7,2**	6,5	7,5	5,5	**6,7**	Trung bình khá	
23	1910207086	Nguyễn Trần Hồng	Sin	27/02/2004	**6,9**	7,5	5,5	6,0	**6,4**	Trung bình khá	
24	1910207087	Đặng Anh	Tài	07/08/2004	**7,3**	8,5	9,0	6,0	**7,2**	Khá	
25	1910207089	Quang Đình	Tiến	16/01/2004	**6,8**	6,5	9,0	5,0	**6,6**	Trung bình khá	
26	1910207090	Nguyễn Anh	Tuấn	06/01/2004	**6,8**	5,0	7,5	5,5	**6,5**	Trung bình khá	
27	1910207091	Nguyễn Minh	Tuấn	19/07/2004	**6,9**	7,5	9,0	5,5	**6,8**	Trung bình khá	
28	1910207092	Vũ Bá	Văn	23/10/2004	**6,9**	6,5	7,0	5,0	**6,3**	Trung bình khá	

Danh sách gồm 28 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: 25

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: 3

Thuận An, ngày 23 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - SINGAPORE

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

LỚP T191SM1 - NGHỀ NGUỘI SỬA CHỮA MÁY CÔNG CỤ - KHÓA XVI-9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	1910206008	Quản Văn	Hậu	15/02/2004	**6,2**	5,0	7,0	8,5	**7,1**	Khá	
2	1910206014	Cao Thanh	Liêm	21/10/2004	**6,4**	7,0	8,0	8,0	**7,2**	Khá	
3	1910206015	Lương Nam	Linh	13/11/2000	**7,5**	8,5	9,5	8,5	**8,2**	Giỏi	
4	1910206022	Đỗ Thành	Phú	19/01/2004	**6,9**	8,0	9,5	8,5	**7,9**	Khá	
5	1910206028	Đoàn Minh	Tâm	21/03/2004	**6,6**	7,5	2,0	8,5	**6,5**		**chưa đạt**
6	1910206029	Nguyễn Quốc	Thái	03/01/2004	**7,1**	7,5	8,0	8,0	**7,6**	Khá	
7	1910206031	Nguyễn Hồ Trọng	Tính	29/07/2004	**6,6**	9,0	9,0	8,5	**7,6**	Khá	
8	1910206039	Trần Hà	Vỹ	18/02/2004	**7,2**	7,5	9,5	8,0	**7,9**	Khá	

Danh sách gồm 8 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: 7

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: 1

Thuận An, ngày 23 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - SINGAPORE

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

BẢNG ĐIỂM XÉT ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

LỚP T191SM2 - NGHỀ NGUỘI SỬA CHỮA MÁY CÔNG CỤ - KHÓA XVI-9/2019

STT	MSSV	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	TB TOÀN KHÓA	CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TBTN	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
1	1910206042	Nguyễn Đức	Anh	29/05/2002	**6,8**	6,5	5,5	7,5	**6,8**	Trung bình khá	
2	1910206045	Hà Văn	Cường	21/10/2004	**7,2**	6,5	9,5	7,5	**7,7**	Khá	
3	1910206048	Nguyễn Hoàng	Dũng	15/02/2004	**6,8**	0,0	0,0	0,0	**3,4**		**chưa đạt**
4	1910206050	Hoàng Xuân	Hảo	16/02/2000	**6,9**	6,0	8,5	7,5	**7,4**	Khá	
5	1910206051	Nguyễn Xuân	Hiếu	21/10/2001	**6,9**	7,0	6,0	7,5	**7,0**	Khá	
6	1910206052	Nguyễn Trần Gia	Huy	18/07/2003	**7,5**	7,5	8,0	7,5	**7,6**	Khá	
7	1910206057	Nguyễn Văn	Kiệt	21/02/2001	**7,0**	7,5	5,0	7,5	**6,8**	Trung bình khá	
8	1910206060	Đỗ Quang	Minh	03/03/2003	**6,8**	5,0	8,0	6,5	**6,9**	Trung bình khá	
9	1910206062	Sung Hiếu	Nghĩa	19/01/2004	**6,7**	7,0	7,5	6,5	**6,8**	Trung bình khá	
10	1910206063	Võ Minh	Ngọc	23/04/2003	**7,4**	0,0	0,0	0,0	**3,7**		**chưa đạt**
11	1910206065	Nguyễn Minh	Quyến	25/10/2003	**7,5**	8,5	7,5	7,0	**7,3**	Khá	
12	1910206068	Bùi Quang	Thạch	21/03/2004	**6,9**	8,5	5,5	8,0	**7,0**	Khá	
13	1910206070	Trần Nguyễn Tri	Thiên	18/11/2003	**7,0**	7,0	7,5	8,0	**7,4**	Khá	
14	1910206071	Nguyễn Bảo	Thiện	29/07/2004	**6,7**	5,5	6,5	7,0	**6,8**	Trung bình khá	
15	1910206072	Lê Văn	Thương	13/04/2004	**7,1**	8,0	5,5	6,0	**6,5**	Trung bình khá	
16	1910206073	Lê Văn	Tiến	16/08/2004	**6,7**	7,5	7,0	7,5	**7,0**	Khá	
17	1910206074	Trịnh Xuân	Toán	16/12/2002	**6,7**	5,5	6,0	7,5	**6,9**	Trung bình khá	
18	1910206075	Hồ Hữu	Trọng	08/12/1998	**7,1**	8,5	5,5	7,0	**6,8**	Trung bình khá	
19	1910206076	Nguyễn Đình	Trung	03/03/2003	**7,1**	6,0	5,0	6,5	**6,6**	Trung bình khá	
20	1910206077	Trần Tuấn	Vỹ	17/12/2002	**6,5**	6,5	7,5	7,0	**6,8**	Trung bình khá	

Danh sách gồm 20 hs:

- Đủ điều kiện tốt nghiệp: 18

- Không đủ điều kiện tốt nghiệp: 2

Thuận An, ngày 23 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐTTN